

Số: 40/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Q, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn x, xã K, thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số 049195006xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn x, xã K, thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số: 049093003xxx do Bộ Công an cấp ngày 09/9/2025.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Ngọc và anh Trần Ngọc Thanh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Q và anh Trần Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Ngọc Anh S, sinh ngày 31/10/2015.

Các đương sự thống nhất thoả thuận: Giao cháu Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 31/10/2015 cho chị Hồ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến

khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Ngọc Anh S, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Các đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Các đương sự thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu 50% án phí, thành tiền là 75.000 đồng. Chị Hồ Thị C thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
 - VKSND khu vực x - Đà Nẵng;
 - THADS thành phố Đà Nẵng;
 - UBND xã V, thành phố Đà Nẵng
- (Giấy Chứng nhận kết hôn số 55/2013 của UBND xã B- cũ);
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Anh Liêm